

BÀI 4: CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM VÀ CÁC CĂN CỨ HỢP PHÁP CỦA HÀNH VI GÂY THIẾT HẠI

ThS. Lưu Hải Yến

Giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội

Tình huống khởi động bài

- A là du học sinh người Việt Nam ở Nhật Bản. Tại Nhật, A có mâu thuẫn với X (là du học sinh người Hàn Quốc cùng học với A) nên đã dùng dao đâm chết X.
- A có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người theo Luật Hình sự Việt Nam không? Tại sao?

Mục tiêu bài học

- Nắm được những khái niệm liên quan đến chế định các giai đoạn thực hiện tội phạm và vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.
- Trình bày được khái niệm các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại.
- Trình bày được khái niệm và các điều kiện của phòng vệ chính đáng.
- Trình bày được khái niệm và các điều kiện của tình thế cấp thiết.
- Nắm được quy định của BLHS về một số chế định khác có chứa đựng các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại.

Cấu trúc nội dung

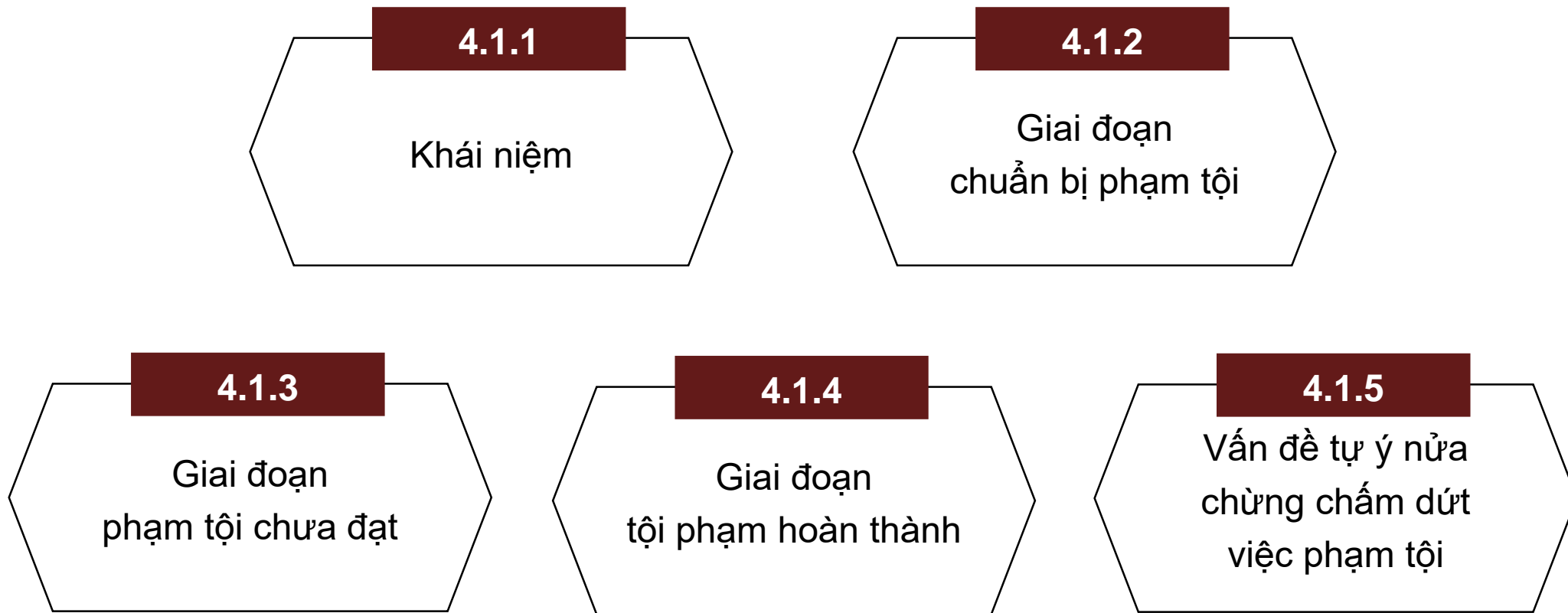
4.1

Các giai đoạn thực hiện tội phạm

4.2

Các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại

4.1. Các giai đoạn thực hiện tội phạm



4.1.1. Khái niệm

Khái niệm các giai đoạn thực hiện tội phạm:

Các giai đoạn phạm tội là các mức độ thực hiện tội phạm cố ý (trực tiếp) bao gồm: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.

4.1.2. Giai đoạn chuẩn bị phạm tội

- Khái niệm chuẩn bị phạm tội:

Là giai đoạn đầu của quá trình thực hiện tội phạm, khi đó người phạm tội tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ một số trường hợp luật định.

- Đặc điểm của giai đoạn chuẩn bị phạm tội:

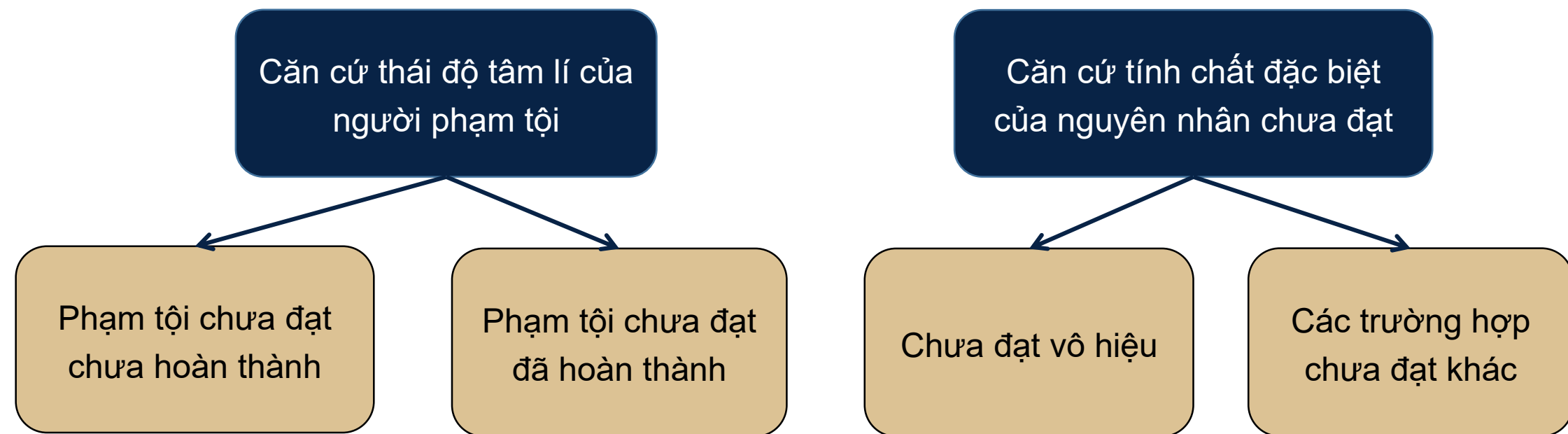
- Người phạm tội chưa bắt tay vào thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong cấu thành tội phạm mà chỉ có các hoạt động tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm (chỉ tạo tiền đề cần thiết để thực hiện hành vi phạm tội đó).
- Chưa trực tiếp xâm hại đến quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ, chưa làm thay đổi, biến dạng đối tượng tác động của tội phạm.
- Hậu quả của tội phạm chưa xảy ra.
- TNHS của người chuẩn bị phạm tội: Điều 14 BLHS.

4.1.3. Giai đoạn phạm tội chưa đạt

- Khái niệm phạm tội chưa đạt: Điều 15 BLHS
 - Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.
 - Là giai đoạn tiếp theo sau của giai đoạn chuẩn bị phạm tội.
- Đặc điểm của giai đoạn phạm tội chưa đạt:
 - Người phạm tội đã thực hiện tội phạm. Người phạm tội đã thực hiện hành vi được mô tả trong CTTP hoặc hành vi đi liền trước hành vi đó.
 - Người phạm tội không thực hiện được tội phạm đến cùng, có thể là mới thực hiện hành vi đi liền trước hành vi được mô tả trong CTTP, hoặc mới thực hiện một phần hành vi được mô tả, hoặc đã thực hiện được hành vi khách quan nhưng chưa gây ra được hậu quả của tội phạm (chỉ xảy ra ở các tội phạm có CTTP vật chất).
 - Nguyên nhân của việc không thực hiện tội phạm đến cùng là những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội như nạn nhân chống lại được, người khác ngăn chặn được,...
 - Người phạm tội chưa đạt phải chịu TNHS về tội phạm chưa đạt.

4.1.3. Giai đoạn phạm tội chưa đạt

Phân loại các trường hợp phạm tội chưa đạt



4.1.4. Giai đoạn tội phạm hoàn thành

- Là hành vi phạm tội đã thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm.
- Tội phạm có CTTP vật chất hoàn thành khi người phạm tội đã gây ra hậu quả của tội phạm.
- Tội phạm có CTTP hình thức hoàn thành khi người phạm tội đã thực hiện hết hành vi được mô tả trong CTTP.
- Tội phạm có CTTP bất thành hoàn thành khi người phạm tội thực hiện được các hoạt động nhằm hướng tới việc thực hiện các hành vi khách quan được mô tả trong CTTP.

4.1.5. Vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

Điều 16 BLHS

- Khái niệm tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội: là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản.
- Các dấu hiệu của trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội:
 - Thời điểm chấm dứt thực hiện tội phạm là ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành.
 - Việc dừng thực hiện tội phạm phải do người phạm tội hoàn toàn tự nguyện quyết định khi nhận thức được điều kiện khách quan vẫn có thể tiếp tục thực hiện tội phạm mà không bị ngăn cản. Việc không thực hiện tiếp tội phạm phải là sự từ bỏ hoàn toàn ý định phạm tội mà không phải là tạm dừng để sau đó tiếp tục thực hiện tội phạm.
 - Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm.

Câu hỏi

Do có thù tức với M, ba tên A, B, C bàn nhau mang theo côn gỗ, dao phay và kiếm đi tìm M để giết. Cảnh sát cơ động đi tuần phát hiện 3 tên này đi trên đường giấu vũ khí trong người và có nhiều biểu hiện khả nghi nên bắt giữ. Cả 3 tên đã khai rõ sự việc. Hành vi phạm tội giết người của A, B, C được xác định ở giai đoạn nào? Tại sao?

4.2. Các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại

4.2.1

Khái niệm

4.2.2

Phòng vệ chính đáng

4.2.3

Tình thế cấp thiết

4.2.4

Một số căn cứ hợp pháp
khác của hành vi gây
thiệt hại

4.2.1. Khái niệm

Các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại là những căn cứ được Luật Hình sự cho phép thực hiện hành vi gây thiệt hại mà không bị coi là tội phạm vì các căn cứ này làm hành vi gây thiệt hại không còn tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

4.2.1. Khái niệm (tiếp theo)

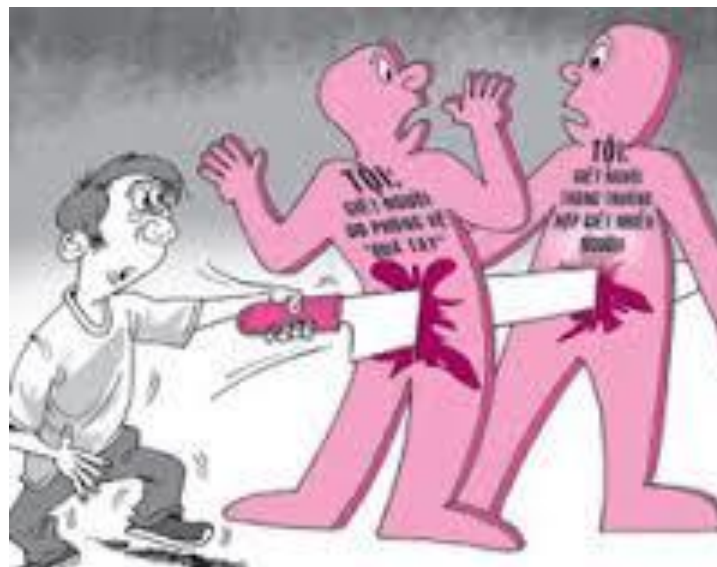
Các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại:

- Phòng vệ chính đáng (Điều 22);
- Tình thế cấp thiết (Điều 23);
- Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội (Điều 24);
- Rủi ro trong nghiên cứu,... (Điều 25);
- Thi hành lệnh của người chỉ huy hoặc cấp trên (Điều 26).

4.2.2. Phòng vệ chính đáng

a. Khái niệm phòng vệ chính đáng

Là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.



4.2.2. Phòng vệ chính đáng (tiếp theo)

b. Các điều kiện của phòng vệ chính đáng

- Cơ sở phát sinh quyền phòng vệ chính đáng: Hành vi tấn công của con người.
- Nội dung của phòng vệ chính đáng: Hành vi chống trả nhằm vào người tấn công hoặc công cụ, phương tiện mà người tấn công sử dụng.
- Phạm vi của phòng vệ chính đáng: Sự chống trả của người phòng vệ là cần thiết.

4.2.2. Phòng vệ chính đáng (tiếp theo)

c. Vấn đề vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và phòng vệ tương tự

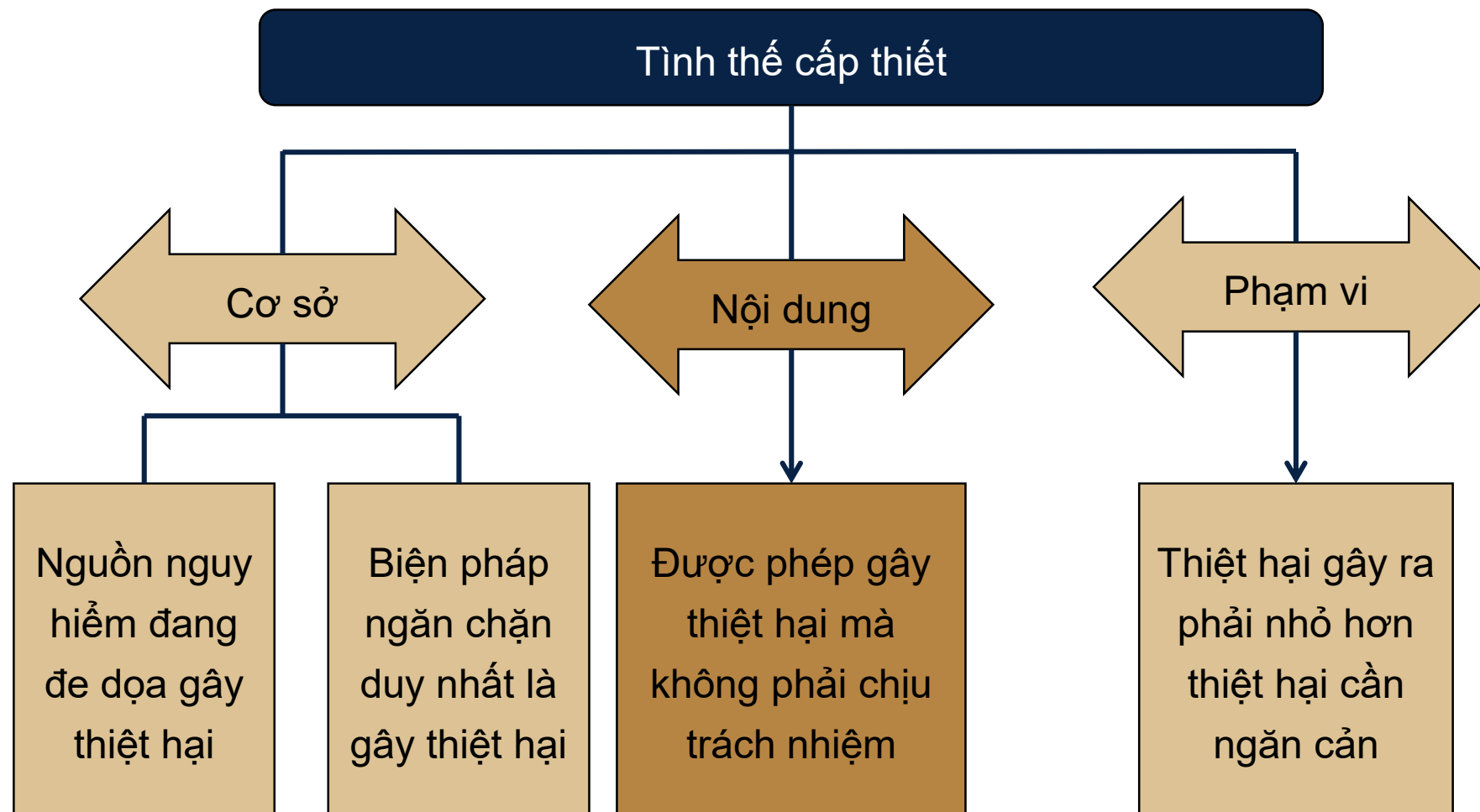


4.2.3. Tình thế cấp thiết

Khái niệm tình thế cấp thiết

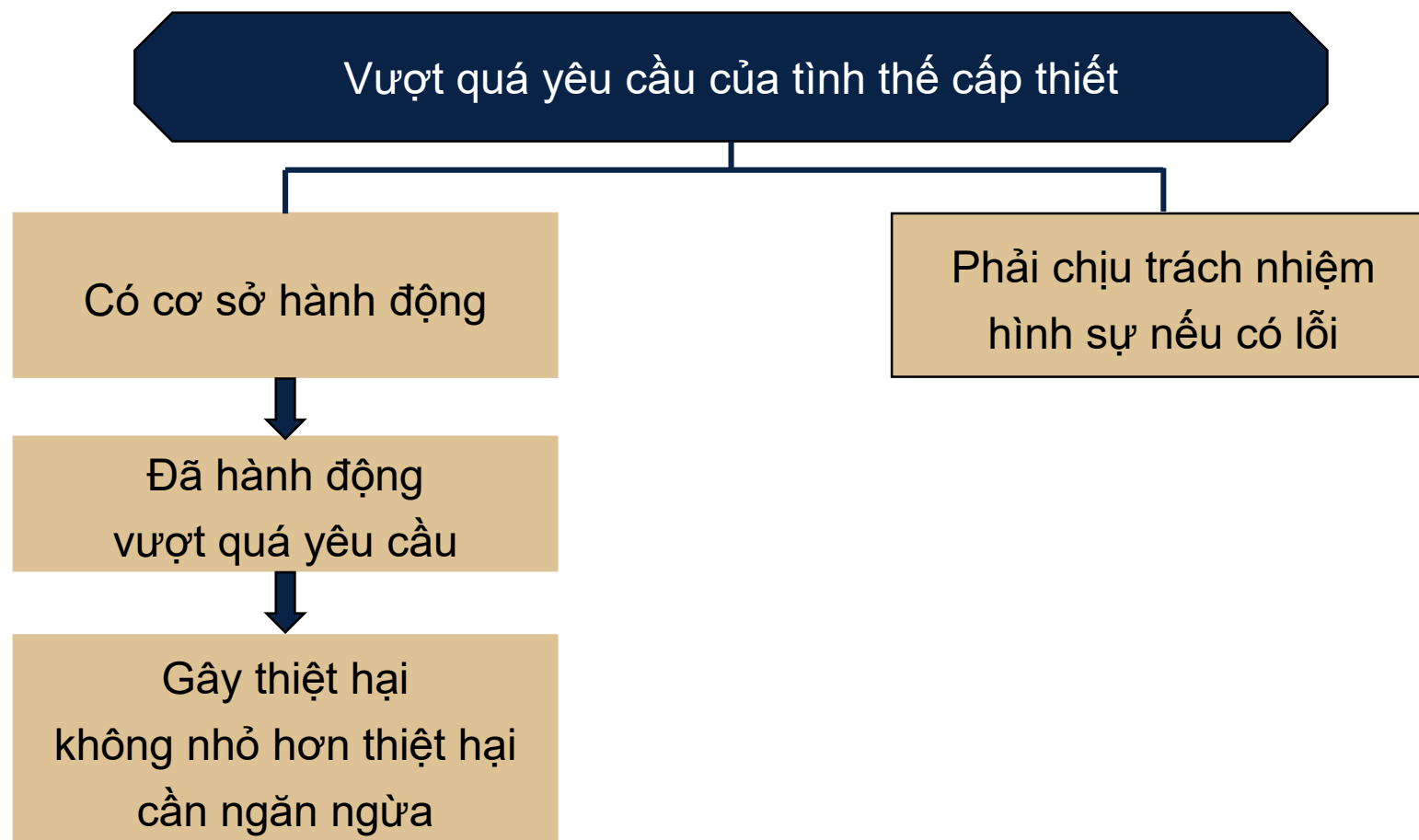
Là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.

4.2.3. Tình thế cấp thiết (tiếp theo)



4.2.3. Tình thế cấp thiết (tiếp theo)

Trường hợp gây thiệt hại vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết



4.2.4. Một số căn cứ hợp pháp khác của hành vi gây thiệt hại

Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội.

Điều 24

Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

Điều 25

Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên.

Điều 26

Tổng kết bài học

Các nội dung cần ghi nhớ:

- Các giai đoạn thực hiện tội phạm: giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.
- Các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết và một số căn cứ hợp pháp khác của hành vi gây thiệt hại.